

Bản án số: 41/2021/HS-ST  
Ngày 28 – 12 – 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Càn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Thanh Văn

Ông Nguyễn Hoàng Anh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:**  
Ông Huỳnh Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Võ Ân T (tên gọi khác: M), sinh năm 1991 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nghề đi biển; trình độ học vấn: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Tấn L và bà Lâm Thị H; bị cáo có vợ là Trần Cẩm N và 03 con (lớn sinh năm 2007 và nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/3/2021 đến ngày 19/3/2021 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

2. Nguyễn N, sinh năm 1987 tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký HKTT: Ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Tạm trú: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nghề đi biển; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Tăng Thị S; có vợ là Trần Thị D và 02 con (lớn sinh năm 2012 và nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/3/2021 cho đến nay (có mặt).

**- Bị hại:**

1. Ông Lâm Quốc K, sinh năm 1967; nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Huỳnh Duy P, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp P, xã P1, huyện T, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

2. Ông Phạm Văn H1; nơi cư trú: Ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. Ông Võ Tấn L, sinh năm 1965; nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

4. Chị Trần Thị D, sinh năm 1994; nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

5. Anh Trần Văn T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

6. Anh Trần Văn M, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Nguyên đơn dân sự:* Ông Chung Hoàng T, sinh năm 1968; nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 9/2020, ông Lâm Quốc K, trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện Đ mua 01 chiếc vỏ Composite (hiệu Trọng Sĩ), dài 8,1 mét và 01 máy xe 3T84 để làm P tiện chạy đồ bao. Biết ông K thường xuyên chạy vỏ, máy ngang nhà nên bị cáo Nguyễn N nảy sinh ý định lấy trộm. Bị cáo N liên hệ điện thoại chỉ điểm cho bị cáo Võ Ân T lấy vỏ, máy của ông K về bán cho bị cáo và được bị cáo T đồng ý. Ngày 14/10/2020 bị cáo T đến nhà của Lâm Văn L, trú tại: Ấp M, xã N, huyện Đ rủ L đi lấy trộm tài sản của ông K và được L đồng ý. Đến 00 giờ ngày 15/10/2020, bị cáo T đi cùng L bằng phương tiện vỏ, máy của L từ nhà của L đến nhà ông K để lấy trộm vỏ, máy; khi đến phát hiện vỏ, máy của ông K đậu dưới bến sông cặp nhà; bị cáo T và L đậu vỏ, máy cách nhà ông K khoảng 100m; bị cáo T liên hệ điện thoại hỏi thì bị cáo N xác định đúng địa điểm và vỏ, máy của ông K. Do ông K còn thức nên bị cáo T và Lam đợi khi ông K ngủ sẽ lấy trộm tài sản; đến 04 giờ sáng bị cáo T và L lấy trộm được vỏ, máy của ông K; L điều khiển vỏ, máy của L về nhà, bị cáo T điều khiển vỏ, máy vừa trộm đến kênh rạch thuộc thị trấn H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (không xác định vị trí cụ thể) để cất giấu.

Qua ngày sau, bị cáo T điện thoại thông báo cho bị cáo N biết việc đã lấy trộm được vỏ, máy và hẹn ra thị trấn Hộ Phòng để trao đổi mua, bán. Bị cáo N đi cao tốc đến thị trấn Hg gặp bị cáo T tại quán cà phê (không nhớ tên quán), thỏa thuận mua máy xe 3T84 với giá 15.000.000 đồng, hẹn giao máy xe và nhận tiền tại

tiệm sửa máy Lâm C thuộc ấp H, xã T, huyện N. Sau đó, bị cáo T chở máy đến tiệm sửa máy Lâm Chen và thông báo cho bị cáo N. Bị cáo N đi đến tiệm sửa máy trả tiền cho bị cáo T và nói với ông Trần Minh C (chủ tiệm sửa máy) sửa lại dàn cầu, đường ống nước, khi sửa xong bị cáo N lấy về nhà sử dụng, sau đó bị Công an thu giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 07/KL-ĐGTS ngày 19/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đầm Dơi kết luận:

- + 01 vỏ lãi Composite nhãn hiệu Trọng Sĩ, dài 8,1m, giá trị: 13.500.000 đồng;
  - + 01 máy thủy loại máy xe 3T84, dàn cầu bằng Inox, giá trị: 34.956.000 đồng;
  - + 01 chân vịt máy thủy bằng Inox, giá trị: 1.150.000 đồng;
  - + 01 bình ắc qui nhãn hiệu GS, 70A, giá trị: 1.320.000 đồng;
  - + 10 lít dầu, giá trị: 131.700 đồng;
  - + 7m gỗ ván thông (sạp vỏ: 0,4m x 0,02m), giá trị: 504.000 đồng;
- Tổng giá trị tài sản là 51.561.700 đồng.

Ngoài ra, do có nhu cầu mua máy Vanguard 6.0HP để chở con đi học nên bị cáo N đã liên hệ thỏa thuận với bị cáo T khi lấy trộm được máy loại này thì đem về bán cho N. Khoảng 22 – 23 giờ ngày 07/9/2020, bị cáo T điều khiển phương tiện vỏ Composite (hiệu Trọng Sĩ), dài 5,9 mét và máy Honda 18HP (máy không có bình xăng) của bị cáo chạy theo tuyến sông thuộc ấp H, xã N, huyện Đ với mục đích tìm tài sản trộm. Khi đến nhà bà Lê Thị H, thuộc ấp H, xã N, huyện Đ bị cáo T phát hiện tài sản và đã lấy trộm vỏ Composite (hiệu Kiên Giang), dài 7,7m, máy Vanguard 6.0HP, dàn cầu, bầu quạt bằng sắt và cal nhựa có chứa 10 lít xăng là tài sản của bà H. Sau khi lấy trộm, bị cáo T liên hệ và bán máy Vanguard 6.0HP cho bị cáo N với giá là 4.000.000 đồng. Phía bà H, sau khi mất tài sản đã tổ chức tìm kiếm và phát hiện chiếc vỏ bỏ lại cách nhà bà H khoảng 900m.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 18/KL-ĐGTS, ngày 07/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đầm Dơi kết luận:

- + 01 vỏ Composite, nhãn hiệu Kiên Giang, dài 7,7m, giá trị: 2.000.000 đồng;
- + 01 đầu máy Vanguard 6.0HP, giá trị: 4.000.000 đồng;
- + 01 dàn cầu và bầu quạt bằng sắt, giá trị: 800.000 đồng;
- + 01 cal nhựa loại 10 lít, giá trị: 15.000 đồng;
- + Xăng A92, 10 lít, giá trị: 181.500 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 6.996.500 đồng.

Bản Cáo trạng số: 37/CT-VKS ngày 30/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi truy tố bị cáo Võ Ân T và bị cáo Nguyễn N tội “trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Bà Lê Thị H đã nhận lại vỏ, máy, nhận số tiền 700.000 đồng do ông Võ Tấn L bồi thường thay cho bị cáo T, không yêu cầu bồi thường gì thêm và yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ông Lâm Quốc K đã nhận lại máy xe 3T84, 01 chân vịt máy; yêu cầu bị cáo T bồi thường các tài sản bị mất theo định giá là 15.455.700 đồng và yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội và trình bày ý kiến tranh luận, thể hiện:

Xuất phát từ việc muốn mua vỏ, máy sử dụng với giá rẻ nên bị cáo Nguyễn N đã liên hệ với bị cáo Võ Ân T chỉ điểm và kêu bị cáo T lấy trộm về bán cho N, được bị cáo T đồng ý. Ngày 07/9/2020 bị cáo T trộm vỏ, máy của bà Lê Thị H về bán cho bị cáo N 01 máy Vanguard 6.0HP. Đến ngày 15/10/2020 bị cáo T trộm vỏ, máy của ông Lâm Quốc K theo chỉ điểm của bị cáo N, khi lấy được tài sản của ông K thì bị cáo T bán máy xe 3T84 cho bị cáo N, tổng giá trị tài sản 02 lần bị cáo T thực hiện theo định giá là 58.558.200 đồng.

Đối với vụ trộm tài sản của ông K thì bị cáo N đã thỏa thuận chỉ điểm cho bị cáo T lấy trộm vỏ, máy của ông K về và mua lại; đối với vụ trộm tài sản của bà H thì bị cáo N thỏa thuận mua máy khi bị cáo T trộm cắp được nên bị cáo N phải chịu trách nhiệm đối với tài sản đã chỉ điểm để bị cáo T trộm và thỏa thuận mua lại khi bị cáo T lấy trộm có giá trị theo định giá là 56.558.200 đồng.

Do đó, Kiểm sát viên giữ nguyên việc truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “trộm cắp tài sản”; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù và áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

#### **Về trách nhiệm dân sự:**

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo T và ông Lâm Quốc K về việc bồi thường số tiền 15.455.700 đồng. Ông K được nhận lại số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước các tài sản đã thu giữ của bị cáo T gồm: 01 điện thoại, hiệu Sam sung Galaxy J7 pro, số sim 0916.012.985; 01 điện thoại, hiệu Sam sung Galaxy J6+ và 01 điện thoại, hiệu Realme C1, số sim 1 là 0917.476.143 và sim 2 là 0966.815.381. Tịch thu sung quỹ nhà nước các tài sản đã thu giữ của bị cáo N gồm: 01 điện thoại hiệu Nokia số sim 1 là 0945226909 và sim 2 là 0945822386.

- Buộc bị cáo T nộp lại 26.000.000 đồng và bị cáo N nộp lại 2.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Hoàn trả cho bị cáo T 01 xe máy hiệu Exciter, biển số 63B8- 555.05, 01 giấy đăng ký xe mang tên Huỳnh Duy P, 01 giấy phép lái xe mang tên Võ Ân T và 01 ví da.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm Dơi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Ông Phạm Văn H1 và ông Chung Hoàng Tuấn có yêu cầu không tham gia phiên tòa; bà Lê Thị H và anh Huỳnh Duy P đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét lời khai nhận của bị cáo Võ Ân T và bị cáo Nguyễn N tại phiên tòa, đối chiếu với lời khai của các bị cáo, của các bị hại và những người liên quan tại Cơ quan điều tra là phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập, thể hiện như sau:

[3.1] Vào khoảng từ 22 – 23 giờ ngày 07/9/2020, bị cáo T điều khiển phương tiện vỏ, máy của bị cáo chạy theo tuyến sông tìm tài sản trộm; khi phát hiện, bị cáo T đã lấy trộm các tài sản của bà Lê Thị H, gồm: 01 vỏ Composite (hiệu Kiên Giang), dài 7,7m, 01 máy Vanguard 6.0HP, 01 bộ dàn cầu, bầu quạt bằng sắt và cal nhựa có chứa 10 lít xăng; tổng giá trị theo định giá là 6.996.500 đồng. Tiếp đến, vào lúc 04 giờ ngày 15/10/2020 bị cáo T cùng với đối tượng tên Lâm Văn L lấy trộm các tài sản của ông Lâm Quốc K theo chỉ điểm của bị cáo Nguyễn N gồm: 01 vỏ Composite (hiệu Trọng Sĩ), dài 8,1m, 01 máy xe 3T84, dàn cầu bằng Inox có chân vịt, 01 bình ắc qui, 01 can nhựa đựng 10 lít dầu và 07m gỗ ván thông (sạp vỏ) có giá trị tài sản theo định giá là 51.561.700 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo T đã lấy trộm là 58.558.200 đồng.

[3.2] Bị cáo N không trực tiếp cùng bị cáo T lấy trộm tài sản nhưng bị cáo đã thỏa thuận mua và thỏa thuận chỉ điểm để bị cáo T lấy tài sản về bán lại cho bị cáo nên bị cáo N phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm về giá trị của các tài sản mà bị cáo T đã thực hiện, gồm:

- Do hứa hẹn mua máy Vanguard 6.0HP khi bị cáo T lấy trộm được nên trong vụ việc bị cáo T lấy trộm tài sản của bà H, bị cáo N phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm về giá trị của tài sản này; các tài sản khác bị cáo T thực hiện, bị cáo N không biết nên không phải chịu trách nhiệm hình sự liên đới là phù hợp.

- Đối với việc bị cáo T lấy trộm tài sản của ông K, bị cáo T thực hiện theo hướng dẫn, chỉ điểm của bị cáo N và bị cáo N hứa hẹn mua lại tài sản lấy được nên phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm về toàn bộ giá trị tài sản mà bị cáo T đã thực hiện.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo N phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm là 56.558.200 đồng

[3.3] Với giá trị các tài sản đã chiếm đoạt như phân tích trên thì các bị cáo đã phạm tội “trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự nên Cáo trạng số: 37/CT-VKS ngày 30/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi truy tố các bị cáo là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm và các T tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

Trong thời gian qua, trên địa bàn huyện Đầm Dơi và các địa bàn lân cận tình hình diễn biến của tội phạm đang có chiều hướng gia tăng, nhất là tội trộm cắp tài sản, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, bất ổn trong cuộc sống và sinh hoạt của người dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo N, mặc dù không trực tiếp cùng bị cáo T lấy trộm các tài sản nhưng bị cáo đã hứa hẹn trước để bị cáo T thực hiện xong về bán lại cho bị cáo, thể hiện vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo T; hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của bà Lê Thị H và ông Lâm Quốc K; trước, trong và sau khi phạm tội các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân các bị cáo biết lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi, ý thức xem thường pháp luật cũng như muốn hưởng lợi trên công sức lao động của người khác nên các bị cáo vẫn bất chấp thực hiện.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ông K và bà H có yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; ngoài ra, bị cáo T còn tác động đến ông Võ Tấn L (cha của bị cáo) nộp khắc phục số tiền 15.455.700 đồng và bồi thường cho bà H số tiền 700.000 đồng nên bị cáo T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, các bị cáo hai lần lấy trộm tài sản và đều cấu thành tội trộm cắp tài sản nên các bị cáo phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Ngoài các lần trộm cắp bị truy tố trong vụ án này, các bị cáo đã bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản ở vụ án khác tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

[5] Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ khi thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình và phải chịu chế tài do điều luật đó quy định; song, về nguyên tắc mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng riêng đối với bị cáo đó.

[6] Với tính chất, mức độ, hậu quả, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo và phải cách ly khỏi đời sống xã hội có thời hạn để giáo dục, cải tạo, răn đe các bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật; đồng thời cũng là để cảnh tỉnh, cảnh báo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Xét đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo T của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi, thấy rằng: Bị cáo T là người trực tiếp lấy trộm tài sản, bị cáo N giữ vai trò giúp sức tích cực, tạo điều kiện cho bị cáo T thực hiện, số tiền bị cáo T phải bị xử lý trách nhiệm hình sự có nhiều hơn so với bị cáo N nhưng bị cáo T có tác động đến gia đình khắc phục toàn bộ thiệt hại cho ông K, bà H nên Hội đồng xét xử xem xét cần áp dụng mức hình phạt ngang nhau cho các bị cáo là phù hợp, thể hiện tính nhân văn của pháp luật.

[8] Về tránh nhiệm dân sự:

[8.1] Tại phiên tòa, giữa bị cáo T và ông Lâm Quốc K thỏa thuận bị cáo T bồi thường số tiền 15.455.700 đồng. Ông Võ Tấn L tự nguyện dùng số tiền đã nộp khắc phục để bồi thường thay cho bị cáo. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện không trái pháp luật nên được công nhận.

[8.2] Việc ông Chung Hoàng T cho bà Lê Thị H mượn dàn cầu để sân vuông; bà H đã nhận lại máy Vanguard 6.0HP (có dàn cầu kèm theo); giữa ông Tuấn, bà H đã thỏa thuận trả lại dàn cầu đã mượn. Ngoài ra, theo hồ sơ thể hiện bà H có nhận số tiền 700.000 đồng do ông Võ Tấn L (cha bị cáo T) bồi thường thay; bà H không yêu cầu gì thêm nên các nội dung này không đặt ra xem xét.

[8.3] Đối với số tiền anh Trần Văn M, anh Trần Văn T mua máy Vanguard 6.0HP từ bị cáo N, anh M và anh T không có yêu cầu nhận lại nên không đặt ra xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

[9.1] Đối với 01 máy xe 3T84 – RA2C, màu đen, dàn cầu bằng inox - đã trả lại cho ông K; 01 máy Vanguard 6.0HP, bình xăng màu đen, dàn cầu sắt - đã trả lại cho bà H; 01 vỏ Composite, nhãn hiệu Vạn Nam, dài 8,7m - đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngọc Hiển điều tra theo thẩm quyền (Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển đã xét xử và xử lý xong) và 01 máy xe 3T63 - UIC, màu đen, dàn cầu bằng inox - đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện

Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu điều tra theo thẩm quyền. Do các vật chứng này đã được xử lý nên không đặt ra xem xét.

[9.2] Đối với vỏ Composite, hiệu Trọng Sĩ, dài 6,7m: Do chị Trần Thị D (vợ bị cáo N) giao nộp: Theo bị cáo T xác định, chiếc vỏ này bị cáo đã lấy trộm trên sông Gành Hào, thuộc địa bàn huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu về bán lại cho bị cáo N. Hiện cơ quan điều tra chưa xác định được chủ phương tiện nên tách ra, tiếp tục xác minh, xử lý sau là có căn cứ nên không đặt ra xem xét.

[9.3] Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo T các tài sản, gồm: 01 điện thoại, hiệu Sam sung Galaxy J7 pro, kèm theo 01 sim; 01 điện thoại, hiệu Sam sung Galaxy J6+; 01 điện thoại, hiệu Realme C1, kèm theo 02 sim; 01 xe hiệu Exciter, biển số 63B8- 555.05; 01 giấy đăng ký xe mang tên Huỳnh Duy P; 01 ví da và 01 giấy phép lái xe. Thu giữ của bị cáo N 01 điện thoại hiệu Nokia kèm theo 02 sim.

Bị cáo T xin nhận lại xe máy, giấy tờ xe, giấy phép lái xe và 01 ví da, các tài sản khác không yêu cầu nhận lại; bị cáo N không yêu cầu nhận lại.

Xét thấy: Trong thời gian bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo T xác định đã sử dụng 01 điện thoại, hiệu Sam sung Galaxy J7 pro; bị cáo N xác định có sử dụng điện thoại để liên hệ mua vỏ, máy; do vậy, các tài sản này các bị cáo đã sử dụng cho việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ. Các điện thoại khác của bị cáo T xác định không sử dụng cho việc phạm tội nhưng không yêu cầu nhận lại nên cũng cần tịch thu sung quỹ các điện thoại này là phù hợp.

Đối với chiếc xe máy, giấy đăng ký xe mang tên Huỳnh Duy P: Quá trình điều tra đã chứng minh trước đó ông P đã bán chiếc xe, ông Phạm Văn H1 mua và bán chiếc xe máy này lại cho người khác, sau đó bị cáo T mua lại. Quá trình điều tra, các đương sự này xác định chiếc xe đã bán nên không còn liên quan; chiếc xe máy này do cơ quan điều tra đã thu giữ khi thực hiện việc bắt giữ đối với bị cáo T, hiện không ai tranh chấp nên được xác định là tài sản của bị cáo T; đối với giấy phép lái xe mang tên Võ Ân T là giấy tờ tùy thân và 01 chiếc ví da màu đen là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến việc phạm tội, bị cáo yêu cầu nhận lại là có căn cứ nên được chấp nhận.

[9.4] Đối với vỏ Composite, nhãn hiệu Trọng Sĩ, dài 5,9m, máy Honda 18HP (máy không có bình xăng) bị cáo T sử dụng làm phương tiện trong lần đi trộm cắp tài sản của bà H: Bị cáo T xác định đây là tài sản của bị cáo đã bán cho người không xác định với số tiền 7.000.000 đồng nên tự nguyện giao nộp lại để sung quỹ nhà nước. Xét thấy, phương tiện của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần phải tịch thu sung quỹ nhà nước; tuy nhiên, do bị cáo đã bán phương tiện nên buộc bị cáo nộp lại số tiền đã bán được là phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo về nội dung này.

[9.5] Đối với số tiền bị cáo T bán máy Vanguard 6.0HP và máy xe 3T84 – RA2C cho bị cáo N tổng 02 khoản là 19.000.000 đồng: Các tài sản trên đã được thu giữ và trả lại cho bị hại nên số tiền trên được xác định là số tiền mà bị cáo T đã thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội mà có nên cần buộc nộp lại để sung quỹ nhà



nước. Việc bị cáo T tự nguyện nộp lại số tiền trên là phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9.6] Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã chứng minh, bị cáo N mua máy Vanguard 6.0HP của bị cáo T với số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo N bán lại cho anh M 6.000.000 đồng. Như vậy, trong sự việc này, bị cáo N hưởng lợi bất chính số tiền 2.000.000 đồng từ hành vi phạm tội mà có nên cũng cần tịch thu sung quỹ nhà nước; bị cáo N đã tự nguyện nộp lại số tiền trên là phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Về các vấn đề khác:

[10.1] Quá trình điều tra bị cáo T khai nhận cùng đối tượng Lâm Văn L thực hiện việc lấy trộm vỏ, máy xe của ông Lâm Quốc K vào đêm ngày 15/10/2020. Quá trình làm việc đối với Lâm Văn L và đối chất với bị cáo T thì đối tượng Lam không thừa nhận. Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ hành vi đồng phạm của Lâm Văn L nhưng do L đã bỏ địa P đi nơi khác nên chưa tiến hành điều tra được về nội dung này; Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách ra, tiếp tục điều tra làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

[10.2] Đối với ông Trần Minh C – chủ tiệm sửa máy Lâm C, khi sửa máy cho N, ông C không biết máy này do trộm cắp mà có nên không đặt ra xử lý trách nhiệm là phù hợp.

[10.3] Đối với chị Trần Thị D (vợ bị cáo N) không biết vỏ, máy bị cáo N mua là do trộm cắp mà có nên không đặt ra xử lý trách nhiệm là phù hợp.

[10.4] Đối với Trần Văn M và Trần Văn T khi mua máy Vanguard 6.0HP không biết việc bị cáo T lấy trộm của bà H bán cho bị cáo N, bị cáo N bán lại cho anh M và anh M bán lại cho anh T nên không đặt ra xử lý trách nhiệm là phù hợp.

[10.5] Đối với việc lấy trộm vỏ, máy của anh Nguyễn Minh K, thuộc ấp Phước Thắng A, xã An Phúc, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đầm Dơi đã chuyển đến Công an huyện Đông Hải điều tra theo thẩm quyền nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[10.6] Đối với việc lấy trộm vỏ, máy của anh Nguyễn Hoàng E, thuộc ấp Đường Kéo, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đầm Dơi đã chuyển đến Công an huyện Ngọc Hiển điều tra (hiện Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển đã xét xử xong, án chưa có hiệu lực) nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[11] Về án phí: Theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm, do ông Võ Tấn L đã nộp khắc phục và bồi thường cho ông K nên không buộc bị cáo T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Ân T và điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn N.

Căn cứ vào điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự .

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Võ Ân T và Nguyễn N phạm tội “trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Phạt bị cáo T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 15/3/2021.

- Phạt bị cáo N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 19/3/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo T bồi thường cho ông K tổng số tiền 15.455.700 đồng (mười lăm triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm đồng). Đối trừ số tiền ông Võ Tấn L (cha bị cáo T) nộp khắc phục số tiền trên nên bị cáo T đã bồi thường xong. Ông K được nhận lại số tiền 15.455.700 đồng theo biên lai số 0002615 ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước các tài sản đã thu giữ của bị cáo T gồm: 01 điện thoại, hiệu Sam sung Galaxy J7 pro, màu bạc, số sim 0916.012.985; 01 điện thoại, hiệu Sam sung Galaxy J6+, màu đen, sim không còn hoạt động; 01 điện thoại, hiệu Realme C1, màu xanh đen màn hình bị bể, có gắn ốp lưng màu nâu, số sim 1 là 0917.476.143 và sim 2 là 0966.815.381.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước các tài sản đã thu giữ của bị cáo N gồm: 01 điện thoại hiệu Nokia, màu đen, số sim 1 là 0945226909 và sim 2 là 0945822386.

- Buộc bị cáo T nộp lại số tiền 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) và bị cáo N nộp lại số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo T 01 xe máy hiệu Exciter, màu đen, biển số 63B8-555.05; 01 giấy đăng ký xe biển số 63B8-555.05 mang tên Huỳnh Duy P, 01 giấy phép lái xe mang tên Võ Ân T và 01 ví da màu đen. Do bị cáo T còn phải thi hành khoản tiền nộp ngân sách nhà nước nên tiếp tục duy trì tạm giữ đối với: 01 xe máy hiệu Exciter, màu đen, biển số 63B8- 555.05; 01 giấy đăng ký xe biển số 63B8-555.05 mang tên Huỳnh Duy P để đảm bảo việc thi hành án, sau khi thi hành án xong, bị cáo T được nhận phần tài sản còn lại.

*(Các vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi quản lý)*

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) (chưa nộp).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các bị cáo, ông Võ Tấn L, chị Trần Thị D, anh Trần Văn T và anh Trần Văn M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Lê Thị H, ông Huỳnh Duy P, ông Phạm Văn H1 và ông Chung Hoàng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Công an huyện Đầm Dơi;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Càn**

